

Số: 1047/2022/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 14 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1008/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

1. Ông **Trương Minh M**, sinh năm: 1989, (Số CMND 311967887 do Công an Tiền Giang cấp ngày 07/7/2003);

Địa chỉ thường trú: Lê Văn Q, Tổ dân phố W, Khu phố E, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Đông S, Phường Y, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Nguyễn Thu H**, sinh năm: 1992, số CMND: 070937153 do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 11/12/2009;

Địa chỉ thường trú: Đường Q, Tổ dân phố W, Khu phố E, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Trương Minh M và bà Nguyễn Thu H cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông M hiện đang cư trú tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2016 do UBND xã C, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/12/2016 thì ông M và bà H là vợ chồng

hợp pháp; Nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của ông M và bà H thì hai bên đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên cả hai cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa công nhận.

[3] Về con chung: Cả hai khai có 02 con chung tên Trương Nguyễn Tuấn A – sinh ngày 23/8/2017 và Trương Nguyễn Minh A1 – sinh ngày 09/5/2021. Ly hôn, cả hai thỏa thuận giao các con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng/tháng cho con chung (Mỗi con chung cấp dưỡng 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng), bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 12/2022 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái luật nên Tòa công nhận.

[4] Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét;

[5] Về nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 đồng do ông M và bà H chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Trương Minh M và bà Nguyễn Thu H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trương Nguyễn Tuấn A – sinh ngày 23/8/2017 và Trương Nguyễn Minh A1 – sinh ngày 09/5/2021 cho bà Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng; Ông Trương Minh M có nghĩa vụ cấp dưỡng 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng/tháng cho các con chung (Mỗi con chung cấp dưỡng 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng), bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 12/2022 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Trường hợp ông M chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà H cùng gia đình không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Cả hai khai không có.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trương Minh M và bà Nguyễn Thu H chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được cân trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng mà đương sự đã nộp theo biên lai số 0032233 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Văn Hiếu